

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HS-PT

Ngày: 30-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Bùi Quang Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 66/2019/HSPT ngày 19 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Trần Văn B do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2019/HSST ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B.

- Bị cáo có kháng cáo: **Trần Văn B**, sinh năm 1981 tại tỉnh N; đăng ký thường trú: thôn B, xã N, huyện H, tỉnh N; nơi cư trú: phòng 05, nhà trọ T, số 250A, ấp BT, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Trần Văn N và bà Trần Thị N, vợ Trịnh Thị G, có hai con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 15 tháng 01 năm 2019, B và TH cùng nhau đi hát karaoke. Khi đến trước quán C tại địa chỉ khu phố B, phường 6, thành phố B, tỉnh Bến Tre, do trước đây đã sử dụng nên khi được một người phụ nữ không rõ họ tên và địa chỉ mời mua một viên thuốc màu xanh với giá 20.000 đồng thì B đồng ý, sau đó cất viên thuốc vào túi trước bên phải của quần Jean đang mặc. B và TH hát xong khi ra về đến phòng đối diện tên T thì gặp và T mời vào hát chung. B và TH cùng vào phòng T thì thấy trong phòng lúc đó có N, V và T. Trên bàn B thấy có một đĩa bằng sành màu trắng có chứa ma túy và B có sử dụng. Đến khoảng 01 giờ 45 phút ngày 16

tháng 01 năm 2019 Công an kiểm tra hành chính thì phát hiện Nguyễn Văn T và Trần Văn B có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên lập biên bản phạm pháp quả tang và thu giữ tang vật gồm:

- Thu trong túi quần sau bên trái của T 01 túi ny long màu trắng, hàn kín, trên miệng túi có rãnh khếp và vạch màu xanh, bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu 1).
- Thu trong túi quần trước bên phải của B một viên thuốc lắc nghi là ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu 2).
- Thu chất bột màu trắng nghi là ma túy trong đĩa màu trắng để trên bàn trong phòng T (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu 3).
- 01 thẻ card có chữ Techcombank mang tên Nguyễn Quang H.
- 01 ống hút làm bằng tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng quần tròn lại được gắn trong vỏ ngoài của 03 đầu lọc thuốc lá.
- 01 đĩa bằng sành màu trắng.
- 01 xe mô tô biển số xxBx-xxxx.
- 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn B.
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số imei 1: 355817094037817, số imei 2: 355817097037812.
- 01 điện thoại di động Iphone màu trắng đã qua sử dụng, số Imei: 359247062308170.
- Tiền Việt Nam: 18.000.000 đồng.

Theo bản kết luận giám định số 1122/C09B ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Gói 1: chất bột màu trắng đựng trong một gói ny long được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine, khối lượng: 0,3815 gam.

Gói 2: viên nén tròn màu xanh được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,3304 gam.

Gói 3: chất bột màu trắng đựng trong một gói ny long được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,4704 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn B 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/8/2019 bị cáo Trần Văn B kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo; Bị cáo khai nhận hành vi phù hợp nội dung bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và xử phạt bị cáo 01 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn B 01 (một) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Lời nói sau cùng bị cáo yêu cầu được ở ngoài để nuôi con nhỏ vì bị cáo là lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào khoảng 01 giờ 45 phút ngày 16 tháng 01 năm 2019 tại phòng T của quán Karaoke C ở khu phố B, phường 6, thành phố B, tỉnh Bến Tre, lực lượng Công an kiểm tra hành chính phát hiện Trần Văn B đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,3304 gam ma túy, loại MDMA để sử dụng. Với ý thức, hành vi mà bị cáo đã thực hiện, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo đã xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng là thành khẩn khai báo và đang nuôi con nhỏ theo quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt. Bị cáo kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo lý do bị cáo còn phải nuôi con nhỏ và là động chính trong gia đình, các tình tiết này thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét yêu cầu về việc cho bị cáo hưởng án treo mà người bào chữa cho bị cáo đặt ra không được chấp nhận vì không thỏa điều kiện được hưởng án treo do sau khi tàng trữ trái phép chất ma túy bị cáo có sử dụng trái phép chất ma túy không thể hiện việc ăn năn hối cải, chưa chấp hành pháp luật và nghĩa vụ công dân theo Nghị quyết số 02/2018/NĐ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tối cao là có cơ sở. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành

hình phạt tù cho bị cáo nên không chấp nhận yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

[3] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 50/2019/HS-ST ngày 13-8-2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Tuyên bố bị cáo **Trần Văn B** phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn B** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo **Trần Văn B** phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố B (3b);
- Công an và VKSND thành phố B (2b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- UBND xã P, thành phố B (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tĩnh